

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ DỰ BÁO 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Tổng quan về tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm 2025

Trong 06 tháng đầu năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tình trạng bất ổn an ninh, chính trị leo thang tại một số quốc gia, khu vực, tiềm ẩn rủi ro tới sự ổn định và phát triển kinh tế toàn cầu. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới suy giảm, nguy cơ cao xảy ra "chiến tranh thương mại toàn cầu," tác động lớn đến niềm tin, tâm lý kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đặc biệt, việc Hoa Kỳ bất ngờ công bố chính sách thuế đối ứng ở mức cao trên diện rộng, trong đó có Việt Nam, tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đe dọa nghiêm trọng chuỗi cung ứng và dòng chảy thương mại, đầu tư quốc tế. Các vấn đề an ninh truyền thống, phi truyền thống ngày càng gay gắt và khó kiểm soát.

Nửa đầu năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục cho thấy những tín hiệu tích cực, với mức tăng trưởng GDP cao và các chỉ số kinh tế khác cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể. Tăng trưởng GDP: Quý I năm 2025, GDP Việt Nam tăng 6,93%¹, cao nhất trong 5 năm qua. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, ước tính sớm vào cuối tháng 5, GDP quý II/2025 đạt khoảng 7,7%, 6 tháng tăng khoảng 7,3%. Cập nhật số liệu đến nay, GDP 6 tháng có thể tăng thêm 0,2 - 0,3%, tiệm cận mục tiêu đã đề ra. Dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho thấy GDP Việt Nam năm 2025 có thể đạt 491 tỷ USD, xếp thứ 34 thế giới.

Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB), GDP Việt Nam năm 2025 có thể tăng trưởng 6,8%, thấp hơn mục tiêu 8% của Chính phủ. Tuy nhiên, Ngân hàng Standard Chartered dự báo tăng trưởng đạt 6,7%, với nửa đầu năm 2025 có thể đạt 7,5% nhờ vào sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng nội địa và sản xuất công nghiệp.

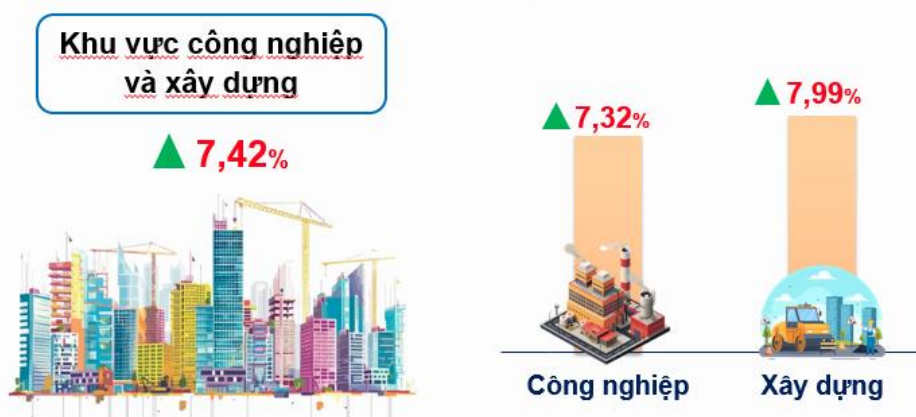
Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội được phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên cho các dự án trọng điểm, quan trọng về đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, sân bay, cảng biển, hạ tầng giáo dục, y tế, xã hội... Đồng loạt khởi công, khánh thành 80 công trình, dự án trọng điểm, hạ tầng chiến lược kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa vào khai thác nhà ga T3 Tân Sơn Nhất và thông xe tuyến chính 5 dự án thành phần cao tốc Bắc-Nam...

Ngành xây dựng tăng 7,34%, đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp 0,48 điểm phần trăm.

¹ Nguồn: Cục thống kê (5/2024)

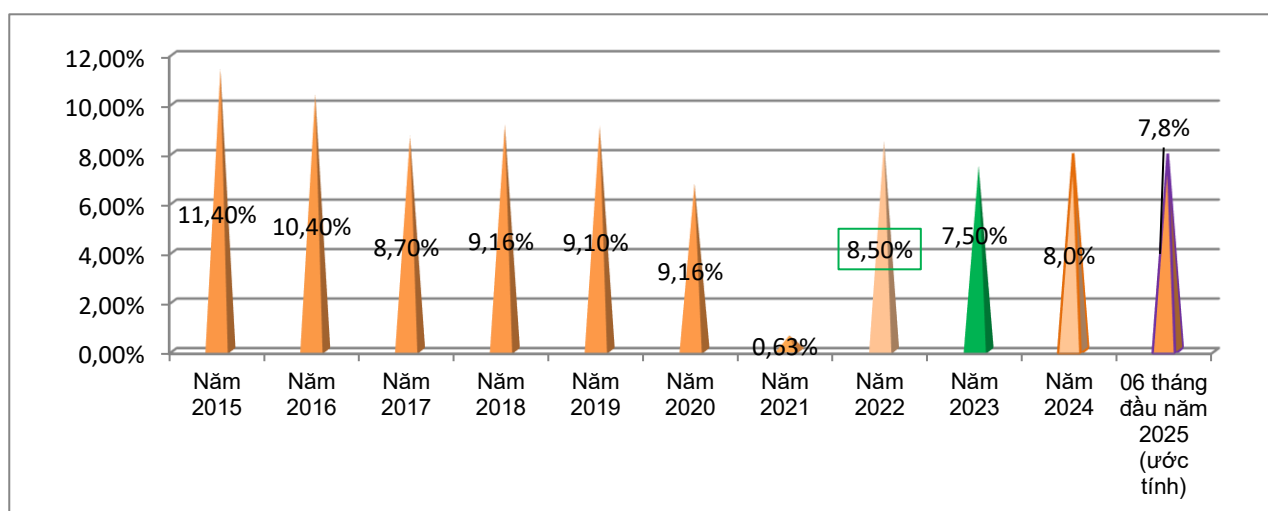
Đối với ngành xây dựng, tín hiệu tích cực của ngành xây dựng trong nửa đầu năm 2025 đến từ mảng xây dựng hạ tầng và xây dựng công nghiệp. Mạng lưới sản xuất toàn cầu đang có sự dịch chuyển và Việt Nam đã nổi lên như một điểm đến hàng đầu cho các công ty thiết lập cơ sở công nghiệp và sản xuất. Tỷ trọng đầu tư công đối với mảng đầu tư cơ sở hạ tầng cũng là nền tảng động lực cho tăng trưởng của ngành xây dựng.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH KHU VỰC II QUÝ I NĂM 2025



Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP tối thiểu 8% cho năm 2025. Mục tiêu này được xem là một thách thức nhưng đã được nghiên cứu kỹ lưỡng và đánh giá là khả thi. Với đặc tính của mình, ngành Xây dựng dự kiến sẽ có mức tăng trưởng vượt trội so với mức tăng của nền kinh tế. Các chuyên gia kỳ vọng ngành Xây dựng sẽ tăng trưởng bình quân đạt tốc độ tăng trưởng 10,7%-15% trong năm 2025.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng giai đoạn 2015-2025



Tham gia khảo sát của Vietnam Report mới đây, phần lớn doanh nghiệp cho rằng mặc dù rủi ro vẫn tiềm ẩn từ các yếu tố bên ngoài nhưng năm 2025 ngành xây dựng sẽ bước vào quỹ đạo phục hồi và tăng trưởng. Cụ thể, 65,4% số doanh nghiệp tin tưởng sự khởi sắc của nền kinh tế với mục tiêu tăng trưởng trên 8% sẽ tạo điều kiện thuận lợi giúp

thị trường xây dựng sôi động hơn trong giai đoạn này. Đồng thời, đòn bẩy từ chính sách hỗ trợ và cải cách đang là động lực lớn, giúp doanh nghiệp “tái sinh”.

Năm 2025 được kỳ vọng là thời điểm thâm thấu của Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản sửa đổi, nhiều vướng mắc pháp lý được tháo gỡ, tạo điều kiện cho các dự án bất động sản triển khai nhanh hơn, kéo theo nhu cầu xây dựng gia tăng. Ngoài ra, Nghị quyết số 171/2024/QH15 của Quốc hội sẽ mở ra cơ chế linh hoạt hơn, tận dụng các khu đất chưa được sử dụng hiệu quả, tạo ra một làn sóng đầu tư mới, đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp xây dựng sẽ có thêm nhiều hợp đồng thi công.

Năm 2025 cũng là năm cuối của kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và là điểm rơi hoàn thành một số dự án quan trọng, do đó, được kỳ vọng chứng kiến nguồn vốn đầu tư công "chạy nước rút" về đích, kết cấu hạ tầng có bước đột phá, nhất là hạ tầng giao thông, điện lực. Đại hội XIII đã đặt mục tiêu đến năm 2025 hoàn thành 3.000 km đường cao tốc, từ đó, tạo dư địa tăng trưởng lớn cho các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng.

Ngoài ra, những nỗ lực của Chính phủ trong việc duy trì mặt bằng lãi suất thấp tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xây dựng trong việc huy động vốn, mở rộng hoạt động và đầu tư công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh.

Bên cạnh đó, việc hợp nhất Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông Vận tải sẽ giúp thống nhất đầu mối quản lý, giảm thủ tục hành chính không cần thiết, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, tối ưu hóa đầu tư công và tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án hạ tầng lớn được triển khai nhanh chóng và đồng bộ. Sự hợp nhất này cũng tạo điều kiện cho việc thống nhất các định mức, đơn giá, quản lý đầu tư xây dựng. Sự đồng bộ giữa quy hoạch đô thị và phát triển giao thông sẽ được nâng cao, giúp đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm. Đặc biệt, với các công trình hạ tầng giao thông quy mô lớn và phức tạp, sự thống nhất trong quản lý giúp đảm bảo chất lượng, tiến độ và giảm tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

Hạ tầng giao thông phát triển đến đâu, đô thị mở rộng đến đó, kéo theo sự tăng trưởng của khu công nghiệp, trung tâm thương mại và dịch vụ, tạo ra chuỗi giá trị, mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và đóng góp tích cực vào nền kinh tế.

2. Thị trường mua bán máy thi công phục vụ xây dựng công trình giao thông

Thị trường mua bán máy thi công phục vụ xây dựng công trình giao thông tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là trong bối cảnh các dự án hạ tầng giao thông đang được đẩy mạnh thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội.

Trên bình diện thế giới, quy mô thị trường cho thuê thiết bị xây dựng ước tính đạt 134,88 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 170,92 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 4,85% trong giai đoạn dự báo (2024-2029). Tại thị trường Đông Nam Á, quy mô Thị trường Máy xây dựng ASEAN ước tính đạt 7,63 tỷ

USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 10,5 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 6,59% trong giai đoạn dự báo (2024-2029). [2]



Biểu đồ 2: Quy mô thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng khu vực Đông Nam Á

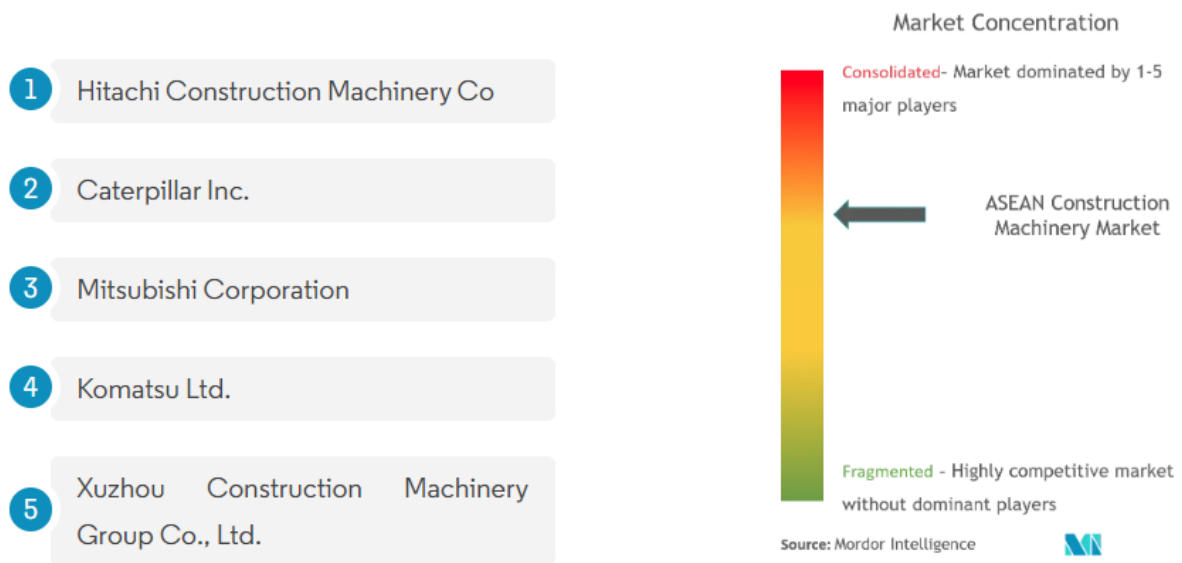
Đại dịch COVID-19 đã có tác động tiêu cực đến thị trường, các hoạt động xây dựng và sản xuất bị tạm dừng. Ngoài ra, chính phủ các nước ASEAN đã tạm dừng các dự án đường ống và giảm lực lượng lao động tại các địa điểm này. Điều này đã dẫn đến việc giảm sản lượng xây dựng. Tuy nhiên, thị trường được dự đoán sẽ chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể trong giai đoạn dự báo do sự gia tăng các hoạt động xây dựng, điều này có thể chủ yếu là do sự hỗ trợ ngày càng tăng của chính phủ và việc khôi phục các hoạt động xây dựng trên toàn thế giới.

Trong trung hạn, nhu cầu về máy móc xây dựng trong khu vực ASEAN được thúc đẩy bởi chi tiêu cơ sở hạ tầng tăng lên. Ngoài ra, với sự tăng trưởng của ngành sản xuất trong khu vực, các nhà sản xuất từ khắp nơi trên thế giới đang có kế hoạch chuyển hoạt động sang các quốc gia Đông Nam Á do chi phí thấp hơn, tăng tiêu dùng trong nước, cải thiện và mở rộng cơ sở hạ tầng, từ đó dẫn đến nhu cầu về máy móc xây dựng cao hơn.

Nhu cầu về thiết bị xây dựng ngày càng tăng để đáp ứng sự gia tăng hoạt động xây dựng đường bộ và việc nhập khẩu các máy này đang thúc đẩy nhu cầu này. Các yếu tố chính, dẫn đầu bởi sự gia tăng đầu tư vào các dự án xây dựng trong khu vực ASEAN, đã giúp xuất khẩu máy móc hạng nặng của Singapore sang phần còn lại của khu vực ASEAN tăng liên tục trong những năm qua. Philippines và Thái Lan là hai trường hợp các nước ASEAN có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh. Nhập khẩu máy

[2] Nguồn: <https://www.mordorintelligence.com/>

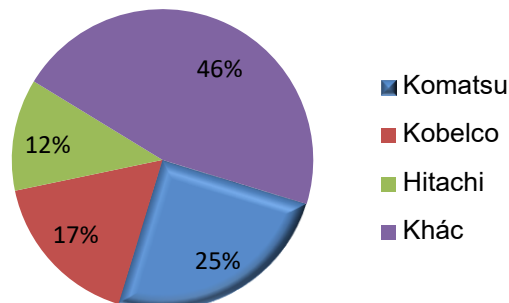
mức hạng nặng của Thái Lan từ Singapore đã tăng với tốc độ nhanh thứ hai trong khu vực.



Biểu đồ 3: Vị thế của các nhà cung cấp máy xây dựng chủ yếu khu vực Đông Nam Á

Tại Việt Nam, thị trường mua bán máy đã hình thành từ khá lâu và đã có bước phát triển nhất định cùng với quá trình phát triển của ngành công nghiệp sản xuất xây dựng. Tuy nhiên, số lượng máy và thiết bị thi công xây dựng nhập khẩu cũ có xuất xứ từ các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... vẫn chiếm tỷ trọng lớn trên thị trường. Trong khi đó, thị trường nhập khẩu và mua bán máy xây dựng mới 100% lại chủ yếu có xuất xứ từ Trung Quốc với các thương hiệu đã được biết đến ở Việt Nam như MINGYU, Dynapac, Liugong, XCMG... bởi yếu tố giá bán thấp và rất cạnh tranh so với chủng loại máy xây dựng cùng loại có xuất xứ từ các nước phát triển.

Biểu đồ 4: Tỷ trọng nhập khẩu máy xây dựng theo chủng loại



Có thể nhận thấy nhu cầu mua bán máy nhập khẩu nhộn nhịp tại các tỉnh, thành có điều kiện kinh tế xã hội phát triển và đầu tư xây dựng lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương... với rất nhiều các

bãi bán máy xây dựng đáp ứng tối đa nhu cầu của bên thuê. Mặc dù chưa có thống kê chính xác nhưng theo ước tính có khoảng 450 đơn vị tham gia nhập khẩu các loại thiết bị máy xây dựng và cung cấp dịch vụ mua bán máy xây dựng trên thị trường.

Bảng 1: Giá bán một số loại thiết bị thi công chủ đạo phục vụ xây dựng công trình giao thông vận tải trên thị trường 2025

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ/Năm sản xuất	Giá bán (có VAT)	Ghi chú
I	Nhóm máy đào xúc				
1	Máy đào bánh xích Hitachi ZX40UR-2C	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2005	340.000.000	Đã sử dụng
2	Máy đào bánh xích Caterpillar CAT312C	Dung tích gầu 0,5 m ³	Nhật Bản/2005	1.180.000.000	Đã sử dụng
3	Máy đào bánh xích Kobelco SK210HDL-8	Dung tích gầu 0,8 m ³	Nhật Bản /2015	1.350.000.000	Đã hoạt động >10.000h
4	Máy đào bánh xích Komatsu PC200-8	Dung tích gầu 0,8 m ³	Nhật Bản/2018	1.750.000.000	Đã hoạt động >8000h
5	Máy đào bánh xích Komatsu.PC350-10	Dung tích gầu 1,4 m ³	Nhật Bản/2015	3.400.000.000	Đã hoạt động >9000h
6	Máy đào bánh xích Komatsu.PC350-6	Dung tích gầu 1,4 m ³	Nhật Bản/2000	2.200.000.000	Đã hoạt động >20.000h
7	Máy đào bánh xích ChangLin	Dung tích gầu 1,6 m ³	Trung Quốc /2020	3.734.500.000	Mới 100%
8	Máy đào bánh xích XCMG XE370CA	Dung tích gầu 1,6 m ³	Trung Quốc /2021	3.850.000.000	Mới 100%
9	Máy đào bánh xích Hitachi ZX470-5G	Dung tích gầu 1,9 m ³	Nhật Bản /2020	6.750.000.000	Mới 100%
II	Máy lu				
1	Xe lu bánh thép Bomag BW151AD	8T	Đức /2004	830.000.000	Đã sử dụng
2	Xe lu bánh thép Dynapac CP27	8T	Đức /2003	760.000.000	Đã sử dụng

3	Xe lu Hamm DEUTZ TD	8T	Đức /2011	1.400.000.000	Đã sử dụng
4	Xe lu Liugong CLG614	8T	Trung Quốc /2021	980.000.000	Mới 100%
5	Xe lu Longking LG514B	14T	Trung Quốc /2021	800.000.000	Mới 100%
6	Xe lu rung CHANGLIN - YZ14-5	14T	Trung Quốc /2021	740.000.000	Mới 100%

3. Diễn biến thị trường thuê máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng đầu năm 2025

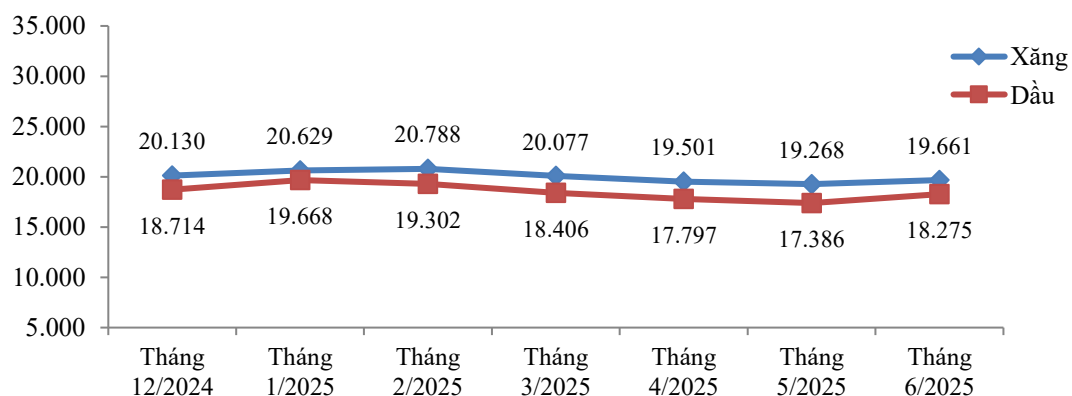
Quý I/2025 là thời điểm đầu năm cũng là thời điểm bước vào những ngày cuối năm âm lịch, nhiều công trình bước vào giai đoạn hoàn thiện nước rút để bàn giao, nhu cầu xây dựng tăng cao hơn khiến cho thị trường cho thuê máy và thiết bị thi công tại các thành phố lớn cũng có mức biến động tăng, đặc biệt là tại các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng. Bước sang quý II/2025, nhu cầu xây dựng công trình xây dựng nhỏ lẻ, khu dân cư có dấu hiệu giảm rõ rệt so với quý I, mùa mưa ở các tỉnh phía Nam cũng ảnh hưởng đến nhu cầu thuê máy thi công tại một số dự án đường giao thông khu vực phía Nam. Tuy nhiên, tiếp tục đà phát triển của thị trường xây dựng khiến nhu cầu thuê máy và thiết bị thi công của các nhà thầu xây dựng được đánh giá ở mức ổn định.

Trong 6 tháng đầu năm nay, nhiều dự án và công trình có quy mô lớn được khởi công với nhiều dự án nổi bật như: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua tỉnh Sơn La (có chiều dài khoảng 32,3km, có tổng mức đầu tư khoảng 4.938 tỉ đồng); Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng (có chiều dài khoảng 25,3km, tổng mức đầu tư hơn 6.800 tỷ đồng); Dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Thủ Dầu Một-Chơn Thành đoạn qua tỉnh Bình Dương (chiều dài hơn 52km, tổng mức đầu tư hơn 8.833 tỷ); cao tốc CT.08 đoạn Nam Định-Thái Bình (tổng mức đầu tư 19.784 tỷ đồng); Dự án mở rộng tuyến đường bộ cao tốc bắc-nam phía đông đoạn Cao Bồ-Mai Sơn; Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ (Vinhomes Green Paradise) với quy mô 2.870ha tại cửa biển xã Long Hòa và thị trấn Cần Thạnh; dự án nhà ở xã hội CT3 - Thăng Long Green City (tổng diện tích gần 3,7ha, xây dựng 4 tòa nhà cao 12 tầng và 1 tầng hầm); khu nhà ở xã hội Bãi Viên với hơn 1.100 căn hộ tại Nam Định; Khu nhà ở xã hội cao tầng Phúc Đạt Tân Uyên với gần 1.000 căn hộ tại Bình Dương; Tổ hợp Không gian sáng tạo CMC tại khu đô thị Tây Hồ Tây, Hà Nội (tổng mức đầu tư 7.800 tỷ đồng); Tổ hợp Thép xanh hiện đại và lớn nhất Việt Nam tại Nam Định (tổng vốn đầu tư 98.000 tỷ đồng)

Xu hướng tăng trưởng của thị trường xây dựng có xu hướng làm tăng nhu cầu thuê máy và thiết bị thi công của các nhà thầu xây dựng trong quá trình thực hiện thi công xây dựng công trình trong dài hạn.

Biểu đồ 5: Diễn biến giá nhiên liệu trên thị trường 6 tháng đầu năm 2025

Đơn vị: đồng/lít



(Nguồn: Petrolimex)

Theo số liệu khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường Trong 6 tháng đầu năm 2025, giá xăng dầu đã qua 25 kỳ điều chỉnh với giá xăng 16 lần tăng giá, 9 lần giảm giá, đối với giá dầu diesel 14 lần tăng giá, 10 lần giảm giá và 1 lần giữ nguyên giá. Qua khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường (xăng và dầu diesel), trong 6 tháng đầu năm giá xăng, dầu đều có xu hướng giảm nhưng đã có nhwunxg đợt tăng nhẹ trong quý II/2025 và về gần cuối quý II/2025 là giá xăng dầu trong nước tăng đột biến. Giá xăng dầu thế giới đã trải qua nhiều biến động mạnh, chủ yếu do căng thẳng địa chính trị và lo ngại về nguồn cung. Từ tháng 1 đến tháng 5, giá dầu có xu hướng tăng dần, đặc biệt là từ giữa tháng 6 khi xung đột giữa Iran và Israel leo thang. Dầu Brent đã tăng khoảng 13% và dầu WTI tăng khoảng 10% kể từ khi xung đột bắt đầu vào ngày 13/6. Nguyên nhân chính của đợt tăng giá này là do lo ngại gián đoạn nguồn cung từ Trung Đông, đặc biệt là khả năng Iran đóng cửa eo biển Hormuz – nơi vận chuyển khoảng 1/5 lượng dầu toàn cầu.

Trong những ngày đầu tháng 6/2025, nhu cầu tiêu dùng xăng dầu toàn cầu có xu hướng tăng nhẹ, chủ yếu do các yếu tố thời tiết và địa chính trị. So với thời điểm tháng 1/2025 thì sang tháng 6/2025, giá xăng đã có mức biến động giảm nhẹ 3,11%, dầu diesel giảm 6,08% nhưng về gần cuối quý II/2025 giá biến động tăng mạnh. Có thể thấy, giá xăng dầu trong nước có mức biến động giảm khá nhỏ gần như là đi ngang theo biến động của giá xăng dầu thế giới khi nền kinh tế thế giới đang trong đà hồi phục nhưng chậm, ổn định nhưng chưa bền vững do vẫn chịu tác động từ bất ổn chính trị, biến đổi khí hậu và chuyển dịch công nghệ.

Bảng 2: Đánh giá diễn biến bình quân giá nhiên liệu so với cùng kỳ năm trước

Đơn vị: đồng/lít

TT	Nội dung	Bình quân 6 tháng đầu năm 2024	Bình quân 6 tháng đầu năm 2025	Chênh lệch tuyệt đối	Chênh lệch tương đối (%)
1	Xăng	22.713	19.987	-2.725	-12,00%
2	Dầu diesel	20.642	18.472	-2.170	-10,51%

Theo số liệu khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường (xăng và dầu diesel), bình quân giá xăng dầu trong 6 tháng đầu năm 2025 có mức giảm mạnh so với với bình quân trong 6 tháng đầu năm 2024, mức giảm 12,00% với xăng và 10,51% với dầu diesel.

Tuy nhiên, bình quân giá xăng dầu trong 6 tháng đầu năm 2025 có mức giảm 3,11% với xăng và 6,08% với dầu diesel so với thời điểm cuối năm 2024 (tháng 12/2024).

Bảng 3: Đánh giá diễn biến bình quân giá nhiên liệu bình quân 6 tháng đầu năm 2025 so với thời điểm cuối năm 2024

Đơn vị: đồng/lít

TT	Nội dung	Tháng 12/2024	Bình quân 6 tháng đầu năm 2025	Chênh lệch tuyệt đối	Chênh lệch tương đối (%)
1	Xăng	20.130	19.987	-143	-0,71%
2	Dầu diesel	18.714	18.472	-242	-1,29%

Theo đánh giá, bình quân 6 tháng đầu năm 2025 đối với mức biến động giảm của giá xăng (0,71%) và của giá dầu (1,29%) sẽ không ảnh hưởng giá thuê máy trên thị trường trong trường hợp thuê máy trong thời gian dài (thuê khô, bên đi thuê tự trả nhiên liệu). Tuy nhiên, với trường hợp thuê ước (có nhiên liệu) thì giá thuê sẽ chịu tác động của mức biến động giá nhiên liệu này, đặc biệt là đối với các thiết bị sử dụng nhiên liệu dầu diesel.

Bảng 4: Đánh giá ảnh hưởng của biến động giá nhiên liệu trong dự toán xây dựng công trình (6 tháng đầu năm 2025 so với thời điểm cuối năm 2024)

Loại hình công trình	Tỷ trọng chi phí máy thi công trong chi phí trực tiếp thuộc dự toán xây dựng	Tỷ trọng chi phí nhiên liệu trong chi phí máy thi công	Mức giảm bình quân giá nhiên liệu (6 tháng đầu năm 2025 so với cuối năm 2024)	Mức giảm bình quân trong chi phí trực tiếp thuộc dự toán xây dựng (%)
Dân dụng	4,25%	26,54%	-1,17%	-0,01%
Công nghiệp	6,54%	31,24%	-1,17%	-0,02%
Hạ tầng	4,24%	39,45%	-1,17%	-0,02%
Giao thông	9,06%	35,70%	-1,17%	-0,04%
Nông nghiệp & PTNT	8,27%	33,48%	-1,17%	-0,03%

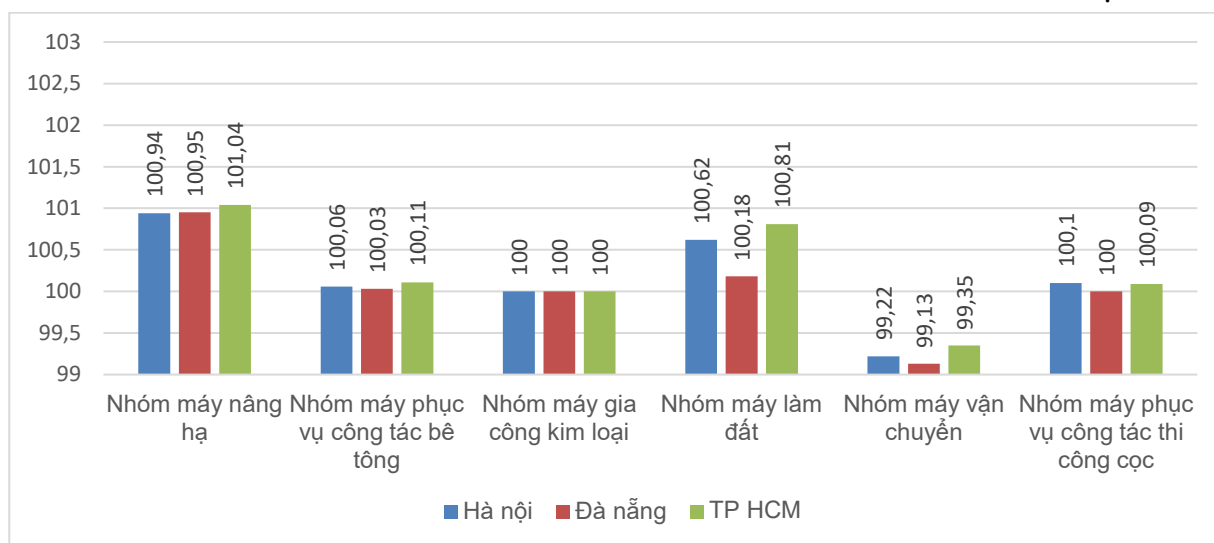
Theo đánh giá, mức biến động tăng tương đối của giá xăng dầu bình quân trong 6 tháng đầu năm 2025 so với tháng 12/2024, ảnh hưởng đến biến động yếu tố đầu vào của giá ca máy trong dự toán xây dựng của các nhóm công trình. Xét yếu tố đầu vào của dự toán xây dựng cho thấy, mức tăng của giá nhiên liệu trong giai đoạn này tác động mạnh mẽ nhất đến dự toán của nhóm công trình giao thông (mức 0,04%) và nông nghiệp và phát triển nông thôn (mức 0,03%). Điều này có thể giải thích bởi tỷ trọng chi phí máy thi công sử dụng nhiên liệu của loại hình công trình này lớn hơn các loại hình công trình còn lại, đặc biệt là nhóm máy phục vụ đào đắp.

Qua theo dõi diễn biến giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2025 tại 3 thành phố lớn (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng) nhìn chung có mức ổn định so với năm 2024. Một số nhóm máy có chi phí đầu tư thấp, khả năng cung trên thị trường lớn có mức biến động ít, thậm chí không biến động (nhóm máy giá công kim loại, nhóm máy phục vụ công tác bê tông). Một số nhóm máy có nhu cầu thuê trên thị trường cao vẫn có mức biến động tăng thấp so sánh tương quan với cùng kỳ các năm trước đó như nhóm máy làm đất (tăng 0,18 ÷ 0,81%), tuy nhiên nhóm máy vận chuyển lại có xu hướng giảm (0,5 ÷ 0,8%) do xu hướng giảm của giá dầu diesel trong kỳ phân tích. Tuy nhiên, theo nhận định chung thì khả năng cung cấp dịch vụ cho thuê trên thị trường vẫn rất dồi dào nên không xảy ra tình trạng khan hiếm.

Phân tích cho thấy giá thuê máy 06 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2023 thì giá thuê của nhóm máy nâng hạ, làm đất và máy làm đất vẫn có mức ổn định nhất định bởi nhu cầu sử dụng các loại máy này trong xây dựng hạ tầng và dân dụng là khá cao trong đầu năm 2025 với hàng loạt dự án đầu tư xây dựng được đồng loạt đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong giai đoạn này.

Biểu đồ 6: Diễn biến giá thuê máy 6 tháng đầu năm 2025 so với năm 2024

Đơn vị tính: %



(Bảng giá thuê một số loại máy và thiết bị thi công xây dựng trên thị trường 6 tháng đầu năm 2025 được đính kèm Phụ lục của Báo cáo)

4. Đánh giá tác động của việc sáp nhập các tỉnh thành và thực hiện về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh tại Việt Nam đang được triển khai theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển kinh tế – xã hội theo kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, kết luận 157-KL/TW của Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính về chủ trương thực hiện về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo. Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Cả nước có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 28 tỉnh và 6 thành phố.

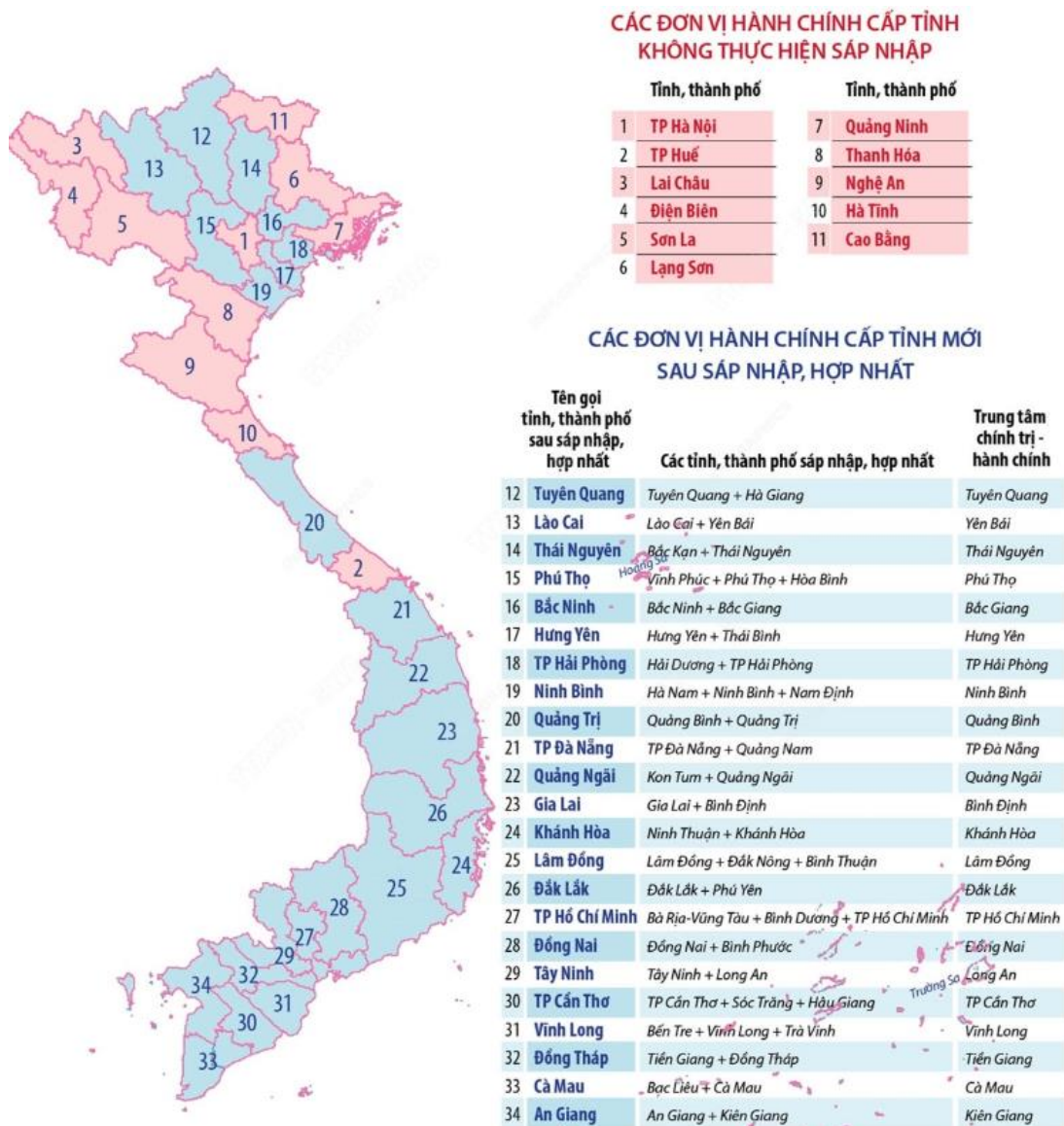
Việc sáp nhập các tỉnh không chỉ là một cuộc cải cách hành chính đơn thuần, mà còn là đòn bẩy mạnh mẽ để kiến tạo các đơn vị hành chính có quy mô đủ lớn, đủ tầm phát triển và kết nối. Đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng nói chung và chi phí đầu tư xây dựng, đặc biệt là quản lý công bố giá ca máy và thiết bị thi công của các địa phương thời gian tới cũng có những tác động nhất định. Cụ thể:

Một là, trong số 34 tỉnh thành mới sáp nhập, ngoài 11 địa phương không thực hiện sáp nhập³ thì 23 địa phương còn lại sẽ chịu tác động trực tiếp của công tác sáp nhập. Việc sáp nhập đa số là thực hiện sáp nhập từ 02 tỉnh thành trước đây (17 địa phương mới) và sáp nhập từ 03 tỉnh thành trước đây (06 địa phương mới). Theo đó,

³ Thành phố Hà Nội, Thành phố Huế, các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Cao Bằng

việc khảo sát phân tích, đánh giá để phân lại vùng/khu vực công bố giá ca máy là công việc các địa phương cần thực hiện để đáp ứng yêu cầu quản lý.

Hai là, việc phân chia các vùng công bố giá ca máy và thiết bị thi công trước đây của các địa phương chủ yếu căn cứ và việc phân vùng đơn giá nhân công theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và các Nghị định trước đó với 04 vùng lương được chia theo đơn vị hành chính cấp Quận, huyện. Ngày 11/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ. Theo đó, đã ban hành danh mục địa bàn cấp xã áp dụng mức lương tối thiểu gồm 04 vùng phân chia theo đơn vị hành chính cấp xã, phường. Theo đó, việc khảo sát phân tích, đánh giá để phân lại vùng/khu vực theo đơn vị hành chính cấp xã, phường công bố giá ca máy là công việc các địa phương cần thực hiện để đáp ứng yêu cầu quản lý.



Ba là, việc gộp bảng giá ca máy và thiết bị thi công của các tỉnh thành hiện tại thành 01 bảng giá ca máy của tỉnh thành sau sáp nhập liên quan đến dữ liệu gốc tính

giá ca máy của mỗi địa phương trước đó (Đặc biệt là từ dữ liệu của 03 địa phương) như danh mục máy công bố, dữ liệu về các yếu tố cấu thành nên giá ca máy như nguyên giá, khấu hao, sửa chữa, hao phí nhiên liệu... Tuy nhiên, qua theo dõi đánh giá cho thấy, hầu hết các địa phương trước đây đều xây dựng bảng giá ca máy căn cứ dữ liệu hao phí do Bộ Xây dựng công bố tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD. Đây cũng là thuận lợi cho địa phương khi hoàn thiện bảng giá ca máy công bố cho địa phương mới sau sáp nhập.

Bốn là, do tác động của độ trễ sau sáp nhập của thực hiện tổ chức chính quyền địa phương mới, việc khảo sát, thu thập thông tin giá ca máy để xác định giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn (Thời điểm công bố giá ca máy và thiết bị thi công theo năm là trước ngày 15 tháng một năm sau⁴) có thể sẽ chưa được các địa phương thực hiện ngay được trong ngắn hạn sau thời gian ngày 01/7/2025 tới đây. Theo đó, các địa phương cần thiết có hướng dẫn sử dụng đối với hệ thống bảng giá ca máy và thiết bị thi công của các tỉnh thành đã công bố trước đó để tiếp tục sử dụng trong việc xác định chi phí xây dựng công trình tại các địa phương (tránh việc gián đoạn) đến khi địa phương công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công mới sau sáp nhập.

4. Tình hình công bố giá ca máy và thiết bị thi công của các địa phương trong 6 tháng đầu năm 2025

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ công tác quản lý giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tại địa phương quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, trong 6 tháng đầu năm 2025 đã có 14 địa phương thực hiện khảo sát và công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công (Chi tiết như Phụ lục 02 đính kèm). Đến thời điểm hiện tại, hầu hết các địa phương đã thực hiện việc công bố giá ca máy làm cơ sở quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình xây dựng tại địa phương.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan: thực hiện hoặc thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, tham khảo nguyên giá ca máy do Bộ Xây dựng công bố để xác định giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn. Qua thống kê, đánh giá nội dung công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công của các địa phương thời gian qua cho thấy một số đặc điểm như sau:

Một là, về danh mục máy và thiết bị thi công được công bố được các địa phương căn cứ theo danh mục tại Phụ lục số V Thông tư 13/2021/TT-BXD hướng

⁴ Quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng.

Hai là, về biểu mẫu công bố máy và thiết bị thi công cơ bản được các địa phương tuân thủ theo mẫu số 3 Phụ lục VIII Thông tư 11/2021/TT-BXD.

Ba là, đối với các chỉ tiêu hao phí trong giá ca máy như số ca năm, nhiên liệu, thợ điều khiển máy, sửa chữa, chi phí khác đều theo bảng công bố hao phí các chỉ tiêu giá ca máy do Bộ Xây dựng công bố tại Phụ lục số V Thông tư 13/2021/TT-BXD, Thông tư số 01/2025/TT-BXD.

Bốn là, riêng đối với chỉ tiêu nguyên giá ca máy, đây là chỉ tiêu ảnh hưởng lớn nhất đến giá ca máy. Bởi sự đa dạng về chủng loại máy, nguồn gốc xuất xứ, tình trạng sử dụng (mới, cũ), theo đó đây là nội dung tương đối gặp khó khăn trong công tác khảo sát nguyên giá ca máy như quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng. Qua thực tế tìm hiểu thông tin cho thấy sự hạn chế về nguồn lực con người, kinh phí thực hiện, hạn chế về sự đa dạng nguồn thông tin các công trình đối với các chủng loại máy được sử dụng phổ biến trên địa bàn của địa phương dẫn đến thực tế hầu hết các địa phương về cơ bản chưa thực hiện được công tác khảo sát nguyên giá ca máy phục vụ tính toán công bố, mà hầu hết đều căn cứ nguồn thông tin tham khảo chung về nguyên giá ca máy do Bộ Xây dựng công bố tại Thông tư 13/2021/TT-BXD, Thông tư số 01/2025/TT-BXD

5. Dự báo cho kỳ phân tích tiếp theo (6 tháng cuối năm 2025)

Theo đánh giá của các chuyên gia, Ngành xây dựng và GDP có mối tương quan cao, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng sẽ tác động tới tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa cuối năm 2025. Kết quả tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm ước đạt 7,3%, là một dấu hiệu tích cực cho mục tiêu tăng trưởng cả năm 2025 với mức trên 8%.

Nền kinh tế 6 tháng cuối năm có nhiều yếu tố thuận lợi tạo đà cho tăng trưởng. Đối với ngành xây dựng, với sự phục hồi của kinh tế thế giới, việc 6 tháng đầu năm đã có tăng trưởng đáng ghi nhận là tiền đề cho tăng trưởng 6 tháng cuối năm. Căn cứ diễn biến tình hình thế giới, kết quả hoạt động kinh tế trong nước 6 tháng đầu năm và một số nhận định về tình hình kinh tế 6 tháng cuối năm, nếu không có biến động lớn, khả năng Việt Nam sẽ đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm 2025 trong khoảng bình quân 8%.

Mặc dù vậy, theo dự báo của doanh nghiệp ngành xây dựng, 06 tháng cuối năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng kỳ vọng sẽ đón nhận các yếu tố hỗ trợ tích cực với tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, thị trường bất động sản bước qua thời điểm khó khăn.

Trong 6 tháng cuối năm 2025 sẽ là giai đoạn gấp rút để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án để thực hiện giải ngân vốn đầu tư hoàn thành kế hoạch năm. Đặc biệt, khởi công nhiều dự án giao thông trọng điểm như: tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng vào cuối năm 2025, các dự án mở rộng cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn Cao Bồ - Mai Sơn, Cam Lộ - La Sơn và La Sơn - Hòa Liên), mở rộng cao tốc TP.HCM - Trung Lương, đầu tư xây dựng mới tuyến Chợ Mới - Bắc Kạn, và xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh... Đầu tư cơ sở hạ tầng tiếp tục là ưu tiên hàng đầu của chính phủ. Đây là động lực tăng trưởng cho ngành xây dựng trong nửa cuối năm 2025. Theo đó, thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng cũng có cơ hội để phát triển hơn nữa với nhiều chủng loại máy xây dựng thế hệ mới có tính năng kỹ thuật hiện đại, năng suất cao theo chân các nhà đầu tư và doanh nghiệp tham gia thị trường xây dựng Việt Nam.

Theo số liệu thống kê hàng năm thời điểm đầu năm cũng là thời điểm bước vào những ngày cuối năm âm lịch, nhiều công trình bước vào giai đoạn hoàn thiện nước rút để bàn giao trước tết âm lịch, nhu cầu xây dựng tăng cao hơn có thể khiến cho thị trường cho thuê máy và thiết bị thi công tại các thành phố lớn sẽ có mức biến động tăng, mức biến động sẽ phụ thuộc khá lớn vào nhu cầu thuê và giá nhiên liệu trên thị trường. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia phân tích, sẽ không có mức biến động lớn về giá thuê máy bởi nguồn cung dịch vụ trên thị trường được đánh giá khá dồi dào.

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo “Báo cáo nghiên cứu thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng đầu năm 2025”)

BẢNG GIÁ THUÊ MỘT SỐ LOẠI MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG TRÊN THỊ TRƯỜNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Ghi chú: thông tin giá thuê máy là giá bình quân trên tại một số thị trường xây dựng lớn trong nước (Hà Nội, TPHCM, Đà Nẵng); theo tháng chưa gồm nhân công điều khiển máy; theo giờ đã bao gồm nhân công điều khiển máy.

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
I	Nhóm máy làm đất				
I.1	Máy đào xúc				
1	Máy đào Komatsu PC 03-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1991	20.750.000	288.000
2	Máy đào Komatsu PC28UU-2E	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1995	20.650.000	279.000
3	Máy đào Komatsu PC28UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2000	22.440.000	293.000
4	Máy đào Komatsu PC 28UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2005	23.580.000	315.000
5	Máy đào Komatsu PC 28UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2007	24.550.000	312.000
6	Máy đào Komatsu PC30MR-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1998	22.110.000	283.000
7	Máy đào Komatsu PC30MR-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2000	21.540.000	272.000
8	Máy đào Komatsu PC30UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1999	21.620.000	267.000
9	Máy đào Komatsu PC35R-8	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1991	20.000.000	250.000
10	Máy đào Komatsu PC38UU-2	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1992	20.500.000	260.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
11	Máy đào Komatsu PC38UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2008	22.010.000	276.000
12	Máy đào Komatsu PC38UU-2E	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1996	20.650.000	265.000
13	Máy đào Komatsu PC35MB-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1998	21.050.000	270.000
14	Máy đào Komatsu PC30MR-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2000	21.030.000	260.000
15	Máy đào Komatsu PC40-6	Dung tích gầu 0,13 m ³	Nhật Bản /1989	18.000.000	245.000
16	Máy đào Komatsu PC40-7	Dung tích gầu 0,13 m ³	Nhật Bản /1994	18.400.000	250.000
17	Máy đào Komatsu PC50UU-2E	Dung tích gầu 0,2 m ³	Nhật Bản /1996	19.000.000	250.000
18	Máy đào Komatsu PC50UU-1	Dung tích gầu 0,2 m ³	Nhật Bản /1992	18.500.000	245.000
19	Máy đào Komatsu PC50UU-2	Dung tích gầu 0,2 m ³	Nhật Bản /1995	18.500.000	250.000
20	Máy đào Komatsu PC50UU-2	Dung tích gầu 0,2 m ³	Nhật Bản /1994	18.500.000	250.000
21	Máy đào Komatsu PC70-7	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1997	19.000.000	255.000
22	Máy đào Komatsu PC120-6	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1999	19.000.000	255.000
23	Máy đào Komatsu PC60-7	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1997	19.000.000	255.000
24	Máy đào Komatsu PC60-6	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1991	18.600.000	250.000
25	Máy đào Komatsu PC60-6	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1989	18.000.000	240.000
26	Máy đào Komatsu PC75UU-2	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1993	18.600.000	250.000
27	Máy đào Komatsu PC70-7E	Dung tích gầu 0,28 m ³	Nhật Bản /1996	18.900.000	253.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
28	Máy đào Komatsu PC70FR	Dung tích gầu 0,28 m ³	Nhật Bản /1997	19.000.000	255.000
29	Máy đào Komatsu PC75UU-3	Dung tích gầu 0,28 m ³	Nhật Bản /2001	19.210.000	256.000
30	Máy xúc bánh lốp Hyundai 1300 WM	Dung tích gầu 0,4 m ³	Hàn Quốc/2002	35.000.000	360.000
31	Máy đào Komatsu PC100-5	Dung tích gầu 0,4 m ³	Nhật Bản /1990	23.500.000	290.000
32	Máy đào Komatsu PC100-5	Dung tích gầu 0,4 m ³	Nhật Bản /1989	23.500.000	290.000
33	Máy đào Komatsu PC100-3	Dung tích gầu 0,4 m ³	Nhật Bản /1989	23.500.000	290.000
34	Máy đào Komatsu PC100-3	Dung tích gầu 0,4m ³	Nhật Bản /1989	29.500.000	350.000
35	Máy đào Komatsu PC120-5	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1992	24.600.000	300.000
36	Máy đào Komatsu PC120-3	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1988	23.000.000	290.000
37	Máy đào Komatsu PC120-5	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1991	23.800.000	295.000
38	Máy đào Komatsu PC100-6E	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1999	27.500.000	360.000
39	Máy đào Komatsu PC120-5	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1992	30.000.000	400.000
40	Máy đào Komatsu PC120-3	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1988	29.800.000	360.000
41	Máy đào Komatsu PC120-5	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1991	30.000.000	400.000
42	Máy đào Komatsu PC100-6E	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1999	33.400.000	420.000
43	Máy đào xúc PC150-3	Đào xúc thuận, gầu 0,5 m ³	Nhật/1985	35.000.000	450.000
44	Máy xúc bánh lốp hoặc xích Solar 100	Dung tích gầu 0.5m ³	Hàn Quốc/1996	32.000.000	350.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
45	Máy đào Komatsu PC120-6ZE	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /1997	32.500.000	425.000
46	Máy đào Komatsu PC120-6E	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /1996	33.000.000	433.000
47	Máy đào Komatsu PC120-6E	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /1999	34.500.000	450.000
48	Máy đào Komatsu PC120-6E	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /2000	34.500.000	450.000
49	Máy đào Komatsu PC130-6E	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /1998	33.000.000	430.000
50	Máy đào Komatsu PC1206ZE	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /2000	34.000.000	450.000
51	Máy đào Komatsu PC150-3	Dung tích gầu 0,55m ³	Nhật Bản /1985	32.000.000	410.000
52	Máy đào xúc bánh lốp Doosan140	Đào xúc thuận, gầu 0,6 m ³	Hàn Quốc/2001	36.000.000	500.000
53	Máy xúc bánh lốp hoặc xích Solar 130 -140	Dung tích gầu 0.65m ³	Hàn Quốc/1997	40.000.000	400.000
54	Máy đào xúc bánh xích PC200-8	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/2014	45.000.000	550.000
55	Máy đào xúc bánh xích PC220-3	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/1986	35.000.000	500.000
56	Máy đào xúc PC200-6	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/1998	55.000.000	550.000
57	Máy đào xúc PC200-6	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/1996	50.000.000	550.000
58	Máy đào xúc PC200-3	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/1984	32.000.000	400.000
59	Máy xúc bánh xích SK200-1	Dung tích gầu 0,8 m ³	Nhật/1992	38.000.000	360.000
60	Máy xúc bánh xích PC220-3	Dung tích gầu 0,8 m ³	Nhật/1998	35.000.000	380.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
61	Máy đào Komatsu PC210LCD-7K	Dung tích gầu 0,8m ³	Nhật Bản /2005	55.000.000	590.000
62	Máy đào Komatsu HB215LC-1	Dung tích gầu 0,8m ³	Nhật Bản /1998	52.800.000	525.000
63	Máy đào Komatsu PC200-7	Dung tích gầu 0,8m ³	Nhật Bản /2000	57.700.000	565.000
64	Máy đào Komatsu PC220LC-6LE	Dung tích gầu 1m ³	Nhật Bản /1999	69.300.000	717.000
65	Máy đào Komatsu PC220LC-7L	Dung tích gầu 1m ³	Nhật Bản /2006	71.700.000	720.000
66	Máy đào Komatsu PC220LC-7L	Dung tích gầu 1m ³	Nhật Bản /2004	71.000.000	720.000
67	Máy đào Komatsu PC220LC-8	Dung tích gầu 1m ³	Nhật Bản /2007	72.100.000	725.000
68	Máy đào xúc bánh xích PC200-8	Đào xúc thuận, gầu 1,05 m ³	Nhật/2006	45.000.000	530.000
69	Máy đào xúc PC350-6	Đào xúc thuận, gầu 1,2 m ³	Nhật/1997	85.000.000	1.100.000
70	Máy xúc bánh xích SK300-1	Dung tích gầu 1,2m ³	Nhật/1990	38.000.000	380.000
71	Máy đào Komatsu PC300LC-7	Dung tích gầu 1,2m ³	Nhật Bản /2003	88.600.000	1.250.000
72	Máy đào Komatsu PC300-7	Dung tích gầu 1,4m ³	Nhật Bản /2003	96.000.000	1.358.000
73	Máy đào Komatsu PC300-7	Dung tích gầu 1,4m ³	Nhật Bản /2005	96.000.000	1.358.000
74	Máy đào Komatsu PC400LC	Dung tích gầu 1,6m ³	Nhật Bản /1991	108.652.000	1.468.000
75	Máy đào Komatsu PC400-7	Dung tích gầu 1,9m ³	Nhật Bản /2004	122.000.000	1.620.000
76	Máy đào Komatsu PC400LC-6LK	Dung tích gầu 1,9m ³	Nhật Bản /1999	119.560.000	1.690.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
77	Máy đào Komatsu PC PC600LC-7	Dung tích gầu 2,7m ³	Nhật Bản /2005	138.500.000	1.865.000
78	Máy xúc lật Lihgong LCG836	Dung tích gầu 1,2m ³	Trung Quốc/2014	35.000.000	385.000
I.2	Máy ủi				
1	Máy ủi Komatsu D50A	San ủi 150CV	Nhật Bản	35.000.000	500.000
2	Máy ủi Komatsu D50S	San ủi, 150CV	Nhật	34.000.000	480.000
3	Máy ủi Komatsu D31A	San ủi, 75CV	Nhật	24.000.000	350.000
4	Máy ủi Komatsu D41-3	San ủi, Công suất (KW): 4532	Nhật	35.000.000	480.000
5	Máy ủi Komatsu D53A-18	San ủi	Nhật	36.000.000	490.000
I.3	Máy lu				
1	Máy lu bánh thép Kawasaki	Lu tĩnh, 10 tấn	Nhật	18.000.000	350.000
2	Máy lu rung nhỏ Sakai TG41	Lu rung, 8 tấn	Nhật	18.000.000	350.000
3	Máy lu rung nhỏ Kawasaki TW40	Lu rung, 8 tấn	Nhật	18.000.000	350.000
4	Máy lu rung Sakai SV510D	Lu rung, 24 tấn	Nhật	37.000.000	550.000
5	Máy lu rung Sakai SV520D	Lu rung, 12 tấn	Nhật	35.000.000	510.000
6	Máy lu rung Komatsu JV100A	Lu rung, 22 tấn	Nhật	35.000.000	530.000
7	Máy lu rung Hamm 3410	Lu rung, 12 tấn	Đức/2016	35.000.000	550.000
8	Máy lu rung Bomag 202 (bánh thép)	Lu rung, 12 tấn	Đức/2012	28.000.000	435.000
9	Máy lu rung Hypac	Lu rung, 12 tấn	Mỹ/2001	30.000.000	450.000
10	Máy lu lốp Kawasaki	Lu tĩnh 16 tấn	Nhật Bản	25.000.000	360.000
11	Máy lu lốp TS290 (7 bánh)	Lu tĩnh 16 tấn	SaKai/Nhật Bản/1995	20.000.000	320.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
12	Máy lu lốp XCMG XP262	Lu tĩnh 26 tấn	Trung Quốc /2017	38.000.000	390.000
13	Máy lu lốp XCMG XP263	Lu tĩnh 26 tấn	Trung Quốc /2017	38.000.000	390.000
14	Máy lu tĩnh Kawasaki	Lu tĩnh 10 tấn	Kawasaki/ Nhật Bản	20.000.000	325.000
15	Máy lu rung Caterpillar CS533	Lu rung, 12 tấn	CAT/Mỹ/ 2007	35.000.000	510.000
16	Máy lu tĩnh Wantanabe	Lu tĩnh 10 tấn	Nhật/1995	18.000.000	340.000
17	Máy lu bánh lốp Sakai (9 bánh)	Lu tĩnh 16 tấn	Nhật/1999	25.000.000	350.000
18	Máy lu dẫn (lu con) Sakai TW-40	Lu tĩnh 4 tấn	Nhật/1997	10.000.000	180.000
19	Máy lu bánh lốp Sakai-TG150	Lu tĩnh, bánh lốp, 16 tấn	Nhật	25.000.000	350.000
20	Lu rung Amman ASC100	Lu rung, 12 tấn	Thụy Sĩ/2015	32.000.000	485.000
IV	Máy san tự hành bánh lốp				
1	Máy san tự hành Misubishi-MG3	Chiều rộng ben 3,1m, 110CV	Nhật	30.000.000	450.000
2	Máy san Misubishi LG200	Chiều rộng ben 3,7m	Nhật	30.000.000	450.000
3	Máy san tự hành Komatsu GD40	Chiều rộng ben 3,0m, 180CV	Nhật	35.000.000	550.000
4	Máy san tự hành Komatsu GD525	Chiều rộng ben 3,7m	Nhật	34.000.000	520.000
II	Nhóm máy nâng hạ				
1	Cần cầu bánh xích Sumitomo LS78RH-5	Sức nâng 35T	Nhật Bản	72.000.000 ÷ 80.000.000	3.100.000
2	Cần cầu bánh xích Kobelco 7045	Sức nâng 45T	Nhật Bản	88.000.000 ÷ 95.000.000	3.700.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
3	Cần cẩu bánh xích Hitachi KH150-3	Sức nâng 50T	Nhật Bản	78.000.000 ÷82.000.000	3.500.000
4	Cần trục tháp KB-403A	Tầm với 30 mét , tải max 6 tấn	Nga	8.000.000 ÷9.000.000	290.000
5	Cẩu lốp Kobelco KR250	Sức nâng 25T	Nhật Bản (1996)	60.000.000	2.840.000
6	Cẩu lốp Zoomlion QY50	Sức nâng 50T	Trung Quốc (2014)	90.000.000	2.970.000
7	Cẩu lốp XCMG QY70	Sức nâng 70T	Trung Quốc (2013)	135.000.000	3.260.000
8	Xe cẩu tự hành Huyndai 2,5 tấn	2,5T	Hàn Quốc	30.000.000	450.000
III	Nhóm máy phục vụ công tác bê tông				
1	Trạm trộn bê tông 60m3/h	60m3/h	Việt Nam	19.000.000	
2	Máy trộn bê tông động cơ diezen	Trộn bê tông, 250 lít	Việt Nam	6.000.000	110.000
3	Máy trộn bê tông động cơ điện	Trộn bê tông, 500 lít	Việt Nam	8.000.000	120.000
4	Máy bơm bê tông Mecbo/car P4.65AP	Bơm tĩnh, 60m3/h	Italia	16.000.000	690.000
5	Xe bơm bê tông Putzmeister BSA 2110 HP-D	Bơm tĩnh, 102m3/h	Đức/2008	14.500.000	500.000
6	Xe bơm cần Putzmeister 42m	Bơm cần, công suất 140-170m3/h, chiều dài 42m	Đức/2008	12.000.000	360.000
7	Xe bơm cần hiệu MERCEDES - SANY 56m	Bơm cần, công suất 200 m3/h	Đức/2012	18.700.000	540.000
IV	Nhóm máy phục vụ công tác thi công cọc				

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
1	Máy khoan cọc nhồi NIPPON SHARYO DHP-80	Đường kính khoan Dmax = 2m	Nhật Bản/1989	67.000.000	2.900.000
2	Máy khoan cọc nhồi HITACHI KH100D-R6G	Đường kính khoan Dmax =1.5m	Nhật Bản/1989	65.000.000	2.800.000
3	Máy khoan cọc nhồi CX500	Đường kính khoan Dmax =1.5m	Nhật Bản/1999	140.000.000	4.200.000
4	Máy khoan cọc nhồi Hitachi KH125D 35 tấn	Đường kính khoan Dmax =1.5m	Nhật Bản/1992	110.000.000	3.570.000
5	Dàn khoan đá DK5	Khoan đá D105	Trung Quốc	9.000.000	
6	Dàn khoan đá DK3	Khoan đá, D76	Trung Quốc	8.000.000	
V	Nhóm máy vận chuyển				
1	Xe chở trộn bê tông Huyndai	Dung tích 7m3	Hàn Quốc	30.000.000	
2	Xe tải ben 3 chân Howo 12 tấn	Trọng tải 12T	Trung Quốc	25.000.000	
3	Xe tưới nước 5M3	5M3	Dongfeng/ Trung Quốc	14.000.000	
4	Xe tưới nhựa đường MC		Trung Quốc	30.000.000	
VI	Máy và thiết bị phục vụ gia công kim loại				
1	Máy hàn điện một chiều – 3 pha	Hàn điện, 30 KW	Thụy Điển	4.000.000	
2	Máy hàn điện xoay chiều – 3 pha	Hàn điện, 23 KW	Việt Nam	2.000.000	
3	Máy hàn điện một chiều,	Hàn điện, 25	Nhật	3.000.000	

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
	diezen	KW			
4	Máy cắt uốn thép Gw40	5Kw	Trung Quốc	1.800.000	
VII	Một số loại máy và thiết bị thi công khác				
1	Máy rải bê tông nhựa Vogele	Rải bê tông nhựa, 180CV	Đức	60.000.000	
2	Máy rải Demag 110	17 tấn	Đức/1993	90.000.000	
3	Máy rải Demag 135C-2009	18,5 tấn	Đức/2009	130.000.000	
4	Máy tưới nhũ tương cầm tay	Tưới nhũ tương, 200 lít	Việt Nam	5.000.000	
5	Máy phun tưới betum nóng	Tưới nhựa nóng, 120 lít	Việt Nam	13.500.000	
6	Búa đập đá thủy lực Neobuzz300	Đập phá đá, bê tông, D150mm	Hàn Quốc	35.000.000	
7	Máy nén khí Denyo 130	Nén khí trực vít, 3,7m3/ phút	Nhật	12.000.000	
8	Máy nén khí AirMan 70	Nén khí trực vít, 2,5m3/ phút	Nhật	9.000.000	
9	Máy phát điện 3 pha Denyo	3 pha, 380V, 30 KVA	Nhật	10.000.000	
10	Máy phát điện 1 pha Kubota	1 pha, 220V, 15KVA	Mỹ	10.000.000	
11	Máy phát điện 100KVA	220V/100KVA	Nhật	20.000.000	
12	Máy phát điện 60KVA	220V/60KVA	Nhật	15.000.000	
13	Đầm cóc Mikasa	Đầm đất, 72-80 kg	Nhật	8.000.000	
14	Máy đầm cóc Hon da	Hon da NTK-72	Nhật		37.500

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
15	Máy đầm dùi bê tông	KUNDO ZN-70P 2,2kW 220V	TQ		25.000
16	Máy đục bê tông	Makita HM1307C (1510W)	TQ		25.000
17	Máy trộn bê tông	450 lít - Đầu nổ D8	TQ		31.000
18	Máy bơm nước	Pentax CM 32-160B (3HP-2.2KW)	Italia		25.000
19	Máy xoa nền bê tông	900mm động cơ Honda GX160	TQ		43.700
20	Máy cắt bê tông	Xăng KC12	TQ		62.500
21	Pa lăng xích các loại	KENBO KKBB03-01 3t 6m 380V 2 cấp tốc độ	TQ		37.500

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo “Báo cáo nghiên cứu thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng đầu năm 2025”)

TỔNG HỢP CÔNG BỐ GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

TT	Tỉnh/Thành phố	Số văn bản công bố	Ngày ban hành văn bản
1	Bà Rịa - Vũng Tàu	57/QĐ-SXD	26/02/2025
2	Bắc Giang	05/QĐ-SXD	13/01/2025
3	Bến Tre	07/QĐ-SXD	10/01/2025
4	Cao Bằng	26/QĐ-SXD	07/01/2025
5	Đắk Lắk	344/SXD-KTVLXD	06/02/2025
6	Thừa Thiên Huế	1177/QĐ-UBND	24/04/2025
7	Kon Tum	89/SXD-HĐXD	10/01/2025
8	Lạng Sơn	18/QĐ-SXD	15/01/2025
9	Quảng Bình	81/QĐ-SXD	14/01/2025
10	Sóc Trăng	01/QĐ-SXD	09/01/2025
11	Thái Bình	06/QĐ-SXD	15/01/2025
12	Vĩnh Long	08/QĐ-SXD	14/01/2025
13	Vĩnh Phúc	08/QĐ-SXD	15/01/2025
14	Yên Bái	06/QĐ-SXD	14/01/2025